

Bản án số: 28/2026/ST-HNGĐ

Ngày 22 tháng 01 năm 2026

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Doãn Xuân và Ông La Văn Liệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị T** – Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải Q vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Q** – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn H 1, xã T, tỉnh Nghệ An – Hiện đang chấp hành án tại: Khu lao động nghề cầu rượu - Phân trại số 4, trại giam số 6 – Cục C10 – Bộ Công An - Vắng mặt (Có đề nghị giải Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T vắng mặt, tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải Q vụ án, chị Phạm Thị T trình bày:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn năm 2017, tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con. Đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do anh Q sa vào tệ nạn ma túy, năm 2023 vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau, anh Q đang đi chấp hành án 07 năm tù tại trại giam số 6 – Bộ Công An. Nay tình cảm

vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải Q ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thục Bảo Q – Sinh ngày: 01/5/2018. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải Q vụ án, anh Q trình bày:

Vợ chồng anh kết hôn năm 2017, tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì đến tháng 12 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thục Bảo Q – Sinh ngày: 01/5/2018. Anh không đồng ý giao con cho chị Phạm Thị T vì anh không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng anh không có tài sản chung gì và không nợ ai. Do hiện nay anh Q đang chấp hành án, không thể đến Tòa án tham gia các buổi làm việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

- Trong quá trình giải Q vụ án cháu Nguyễn Thục Bảo Q trình bày: Bố cháu là Nguyễn Văn Q, mẹ cháu là Phạm Thị T. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

- Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải Q vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải Q vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đề nghị giải Q vắng mặt. Nên Tòa án giải Q vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thục Bảo Q – Sinh ngày: 01/5/2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Nghệ An, hiện đang chấp hành án tại: Khu lao động nghề cầu rượu - Phân trại số 4, trại giam số 6 – Cục C10 – Bộ Công An, nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An thụ lý và giải Q vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải Q vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải Q vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã T, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 01 người con chung, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2023 hai vợ đã sống ly thân với nhau. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Q phạm tội bị xử phạt tù và hiện nay đang chấp hành án. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải Q ly hôn với anh Q. Trong quá trình giải Q vụ án, anh Q không có mặt tại Tòa án, do anh Q đang chấp hành án và có ý kiến là không đồng ý ly hôn với chị T nhưng không đưa ra lý do không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải Q vắng mặt.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị T và anh Q đã sống ly thân, anh Q phạm tội phải chấp hành án thời gian dài, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Thực Bảo Q – Sinh ngày: 01/5/2018. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con, anh Q không muốn ly hôn nên anh không đồng ý để chị T nuôi con nhưng hiện tại cháu Q đang ở với chị T và anh Q đang phải chấp hành án thời gian dài nên không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy cần giao con Nguyễn Thực Bảo Q cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của chị T và cháu Q. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

Q ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- **Tuyên xử:**

* **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

* **Về nuôi con chung:** Giao con Nguyễn Thực Bảo Q – Sinh ngày: 01/5/2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

* **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể Q định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* **Về án phí:** Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0003157 ngày 25/11/2025 tại phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Nghệ An).

* **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 ;
- Phòng THADS Khu vực 9;
- UBND xã T, Nghệ An.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

